

TIÊU CHÍ VÀ QUY TRÌNH

**Đánh giá, phân loại, thẩm định, công nhận cơ quan, đơn vị;
bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố; xã, phường, thị trấn
trên địa bàn tỉnh Sơn La liên quan đến ma túy**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Phần I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy định về tiêu chí và quy trình các bước tiến hành đánh giá, phân loại, thẩm định, công nhận cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, trạm y tế, hợp tác xã có con dấu riêng, có tư cách pháp nhân; bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố; xã, phường, thị trấn liên quan đến ma túy.

Điều 2. Đối tượng đánh giá, phân loại, thẩm định và mức độ liên quan đến ma túy được quyết định công nhận, gồm:

1. Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, trạm y tế, hợp tác xã có con dấu riêng, có tư cách pháp nhân (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị)

a) Không có ma túy;

b) Có ma túy.

2. Bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố

a) Không có ma túy;

b) Có ma túy;

c) Trọng điểm về ma túy.

3. Xã, phường, thị trấn

a) Không có ma túy;

b) Có ma túy;

c) Trọng điểm loại III về ma túy;

d) Trọng điểm loại II về ma túy;

đ) Trọng điểm loại I về ma túy.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Người sử dụng trái phép chất ma túy là người có hành vi sử dụng chất ma túy mà không được sự cho phép của người hoặc cơ quan chuyên môn có thẩm quyền và xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể có kết quả dương tính (khoản 10 điều 2 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021).

2. Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy là biện pháp phòng ngừa

nhằm giúp người sử dụng trái phép chất ma túy không tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy, phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật của họ. Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy không phải là biện pháp xử lý hành chính (*khoản 1 điều 23 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021*).

3. *Giáo dục tại xã, phường, thị trấn người sử dụng trái phép chất ma túy* là biện pháp xử lý hành chính áp dụng đối với người từ đủ 14 tuổi trở lên đã 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính và bị lập biên bản vi phạm hành chính tại lần vi phạm thứ ba trong thời hạn 06 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy để giáo dục, quản lý họ tại nơi cư trú trong trường hợp nhận thấy không cần thiết phải cách ly họ khỏi cộng đồng (*điều 89 và khoản 5 điều 90 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020; điểm đ khoản 2 điều 5 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn*).

4. *Quản lý tại gia đình người sử dụng trái phép chất ma túy* là biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính áp dụng đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi sử dụng trái phép chất ma túy khi có đủ các điều kiện theo quy định (*khoản 1 điều 140 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020; điều 6 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP*).

5. *Người nghiện ma túy* là người sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và bị lệ thuộc vào các chất này (*khoản 12 điều 2 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021*).

6. *Cai nghiện ma túy* là quá trình thực hiện các hoạt động hỗ trợ về y tế, tâm lý, xã hội, giúp người nghiện ma túy dừng sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, phục hồi thể chất, tinh thần, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi để chấm dứt việc sử dụng trái phép các chất này (*khoản 12 điều 2 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021*).

7. *Các biện pháp cai nghiện ma túy* bao gồm cai nghiện ma túy tự nguyện và cai nghiện ma túy bắt buộc. Biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện được thực hiện tại gia đình, cộng đồng hoặc tại cơ sở cai nghiện ma túy; biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc được thực hiện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập (*điều 28 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021*).

8. *Biện pháp can thiệp giảm tác hại đối với người sử dụng trái phép chất ma túy và người nghiện ma túy* là biện pháp làm giảm tác hại liên quan đến hành vi sử dụng trái phép chất ma túy gây ra cho bản thân, gia đình và cộng đồng. Biện pháp can thiệp giảm tác hại đối với người sử dụng trái phép chất ma túy và người nghiện ma túy bao gồm: điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; các biện pháp khác theo quy định của Chính phủ (*điều 41 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021*).

9. *Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế* là trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả xác định nghiện ma túy của cơ quan có thẩm quyền, người nghiện ma

túy từ đủ 12 tuổi trở lên phải đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện hoặc đăng ký điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú. Trường hợp, người không có nơi cư trú ổn định thì đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật và thực hiện việc cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập sau khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền (*khoản 1 điều 28 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử phạt vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy*).

10. *Biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng* là việc người nghiện ma túy thực hiện cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng với sự hỗ trợ chuyên môn của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy, sự phối hợp, trợ giúp của gia đình, cộng đồng và chịu sự quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã (*khoản 1 điều 30 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021*).

11. *Biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy* là việc người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi trở lên có nhu cầu cai nghiện ma túy được tiếp nhận cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện (*điều 31 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021; khoản 1 điều 35 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP*).

12. *Biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc* là biện pháp xử lý hành chính áp dụng đối với người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên thuộc trường hợp bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc để chữa bệnh, lao động, học văn hóa, học nghề dưới sự quản lý của cơ sở cai nghiện bắt buộc. Đối với người từ 12 đến dưới 18 tuổi đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc không phải là biện pháp xử lý hành chính (*điều 95, điều 96 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020; điều 32, điều 33 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021*).

13. *Quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú* là biện pháp hỗ trợ người đã hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện, người đã hoàn thành điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, người đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc phòng, chống tái nghiện, hòa nhập cộng đồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định theo quy định của pháp luật (*điều 40 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021; khoản 9 điều 3 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP*).

11. *Tái nghiện* là trường hợp người đã hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện, cai nghiện ma túy bắt buộc hoặc kết thúc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế có hành vi sử dụng ma túy trái phép, được cơ quan có thẩm quyền xác định là nghiện ma túy (*khoản 6 điều 3 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP*).

12. *Tệ nạn ma túy* là việc sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy và các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự (*khoản 8 điều 2 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021*).

13. *Tội phạm về ma túy* là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm chế độ thống nhất quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy và các loại thuốc gây nghiện, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân mà theo quy định của Bộ luật Hình sự phải bị xử lý hình sự. Tội phạm về ma túy được quy định tại Chương XX từ Điều 247 đến Điều 259 của Bộ luật Hình sự (*điều 8 và Chương XX Bộ luật Hình sự năm 2015, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2017*).

14. *Trồng cây có chứa chất ma túy* là việc trồng cây thuốc phiện, cây cô ca, cây cần sa và các loại cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định (*điều 247 Bộ luật Hình sự năm 2015, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2017; khoản 6 điều 2 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021*).

15. *Điểm phức tạp về ma túy* là địa điểm cụ thể (*khu vực công cộng như: góc vườn hoa, công viên, khu nhà hoang, khu đất trống, góc nghĩa trang, gầm cầu; địa điểm cụ thể như vũ trường, quán bar, pub, lounge, hát cho nhau nghe, câu lạc bộ, nhà hàng có sử dụng nhạc mạnh, karaoke, khách sạn, nhà nghỉ, resort, homestay, căn hộ, nhà riêng...*) hoặc địa điểm di động (*phương tiện di chuyển như: tàu, thuyền, ô tô...*) thường xuyên có nhiều người đến mua ma túy hoặc sử dụng trái phép chất ma túy. Tại đây có dấu hiệu hoạt động của tội phạm hoặc tệ nạn ma túy. Điểm phức tạp về ma túy do lực lượng Công an xác định theo hướng dẫn của Bộ Công an (*Hướng dẫn số 689/HD-C04 ngày 21/02/2023 của Bộ Công an*).

16. *Tụ điểm phức tạp về ma túy* là địa điểm, khu vực cụ thể không phụ thuộc vào địa giới hành chính (*khu dân cư, tổ, dân phố, thôn, bản... hoặc tương đương*) hoặc điểm di động, thường xuyên tập trung đông người đến mua hoặc sử dụng trái phép chất ma túy. Tại đây, có dấu hiệu hoạt động của tội phạm có tổ chức về mua bán hoặc tổ chức, chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Tụ điểm phức tạp về ma túy do lực lượng Công an xác định theo hướng dẫn của Bộ Công an (*Hướng dẫn số 689/HD-C04*).

17. *Điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy* là địa điểm, khu vực cụ thể có các yếu tố, điều kiện, khả năng dễ phát sinh thành điểm, tụ điểm phức tạp về ma túy. Điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy do lực lượng Công an xác định theo hướng dẫn của Bộ Công an (*Hướng dẫn số 689/HD-C04*).

18. *Đối tượng bán lẻ trái phép chất ma túy* là con người cụ thể có hoạt động bán lẻ trái phép chất ma túy cho người khác. Đối tượng bán lẻ trái phép chất ma túy do lực lượng Công an xác định theo hướng dẫn của Bộ Công an (*Hướng dẫn số 689/HD-C04*).

Phần II

ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI

Điều 4. Điều kiện, tiêu chí đánh giá, phân loại

1. Điều kiện để xét đánh giá, phân loại, thẩm định cơ quan, đơn vị; bản,

thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố; xã, phường, thị trấn liên quan đến ma túy

Cơ quan, đơn vị; bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố; xã, phường, thị trấn bảo đảm đầy đủ hồ sơ, tài liệu về các mặt công tác phòng, chống ma túy phục vụ đánh giá, phân loại, thẩm định, gồm:

a) Hồ sơ, tài liệu tổ chức quán triệt, tuyên truyền, giao chỉ tiêu, ký cam kết và triển khai, thực hiện công tác phòng, chống ma túy.

b) Hồ sơ, tài liệu quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; người bị giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; quản lý tại gia đình do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (*nếu có*).

c) Hồ sơ, tài liệu quản lý người nghiện ma túy, người được áp dụng các biện pháp cai nghiện tự nguyện, cai nghiện bắt buộc, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế (*nếu có*).

d) Hồ sơ, tài liệu quản lý người sau cai nghiện ma túy (*nếu có*).

đ) Hồ sơ, tài liệu quản lý người có biểu hiện loạn thần, ngáo đá về ma túy (*nếu có*).

e) Hồ sơ, tài liệu về phát hiện, xử lý người vi phạm pháp luật về ma túy (*nếu có*).

g) Hồ sơ, tài liệu về phát hiện, xử lý tội phạm về ma túy (*nếu có*).

h) Hồ sơ, tài liệu về phát hiện, triệt xóa diện tích trồng cây có chứa chất ma túy (*nếu có*).

i) Hồ sơ, tài liệu về người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy; điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy, điểm phức tạp về ma túy, tụ điểm phức tạp về ma túy được phát hiện, quản lý và tổ chức phòng ngừa, đấu tranh (*nếu có*).

2. Tiêu chí đánh giá, phân loại, thẩm định cơ quan, đơn vị; bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố; xã, phường, thị trấn liên quan đến ma túy

Cơ quan, đơn vị; bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố; xã, phường, thị trấn được đánh giá, phân loại, thẩm định trên các tiêu chí sau:

a) Người sử dụng trái phép chất ma túy đang quản lý tại gia đình, cộng đồng theo Quyết định của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (*tại thời điểm thẩm định*)

- Đã được xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể, kết quả xét nghiệm “*duy tính*”, đang trong thời gian chờ Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn ra Quyết định quản lý;

- Đang trong thời hạn quản lý theo Quyết định của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

- Đang trong thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

- Đang trong thời gian áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính quản lý tại gia đình đối với người sử dụng trái phép chất ma túy chưa

thành niên do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

b) Người nghiện ma túy đang quản lý tại gia đình, cộng đồng theo Quyết định của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (*tại thời điểm thẩm định*)

- Đã được xác định tình trạng nghiện, kết quả xác định là “*nghiện ma túy*”, đang trong thời gian chờ Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn ra Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện hoặc đăng ký điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;

- Đang trong thời gian áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo Quyết định của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

- Đang trong thời gian áp dụng biện pháp điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế dưới 12 tháng theo Quyết định của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

c) Người có biểu hiện loạn thần, ngáo đá về ma túy đang được theo dõi, quản lý tại gia đình, cộng đồng (*tại thời điểm thẩm định*).

d) Người vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự bị phát hiện, xử lý (*trong năm thẩm định*).

đ) Tội phạm về ma túy (*trong năm thẩm định*)

- Người phạm tội về ma túy trên địa bàn bị phát hiện, bắt giữ, xử lý;

- Người bị truy nã do phạm tội về ma túy trên địa bàn bị phát hiện, bắt giữ, xử lý;

- Người bị truy nã do phạm tội về ma túy trên địa bàn chưa bắt giữ, xử lý.

e) Trồng cây có chứa chất ma túy (*trong năm thẩm định*)

- Diện tích trồng cây có chứa chất ma túy;

- Số lượng cây có chứa chất ma túy.

g) Điểm, tụ điểm phức tạp về ma túy (*trong năm thẩm định*)

- Người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy được đưa vào diện quản lý, đấu tranh triệt xóa;

- Điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy được đưa vào diện quản lý, đấu tranh triệt xóa;

- Điểm phức tạp về ma túy được đưa vào diện quản lý, đấu tranh triệt xóa;

- Tụ điểm phức tạp về ma túy được đưa vào diện quản lý, đấu tranh triệt xóa.

3. Không đưa vào tiêu chí đánh giá các trường hợp người liên quan đến ma túy tại thời điểm thẩm định khi đã hoàn thành thời hạn quản lý; chấp hành đúng quy trình điều trị nghiện ma túy bằng thuốc thay thế; bị áp dụng biện pháp cách ly khỏi địa bàn, vắng mặt tại địa bàn, không có địa chỉ cư trú tại địa bàn

a) Người sử dụng trái phép chất ma túy (*số liệu năm - tính đến thời điểm thẩm định*)

- Đã hoàn thành thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn giáo dục tại xã, phường, thị trấn, thời hạn quản lý tại gia đình, chấp hành tốt và được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định đưa ra khỏi danh sách quản lý;

- Đang được áp dụng biện pháp cách ly khỏi cộng đồng: đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; đưa vào trường giáo dưỡng; phải thi hành án phạt tù theo Quyết định của Tòa án;

- Không còn có mặt trên địa bàn: chết; Tòa án tuyên bố là mất tích; chuyển đến cư trú ở địa phương khác.

b) Người nghiện ma túy (*số liệu năm - tính đến thời điểm thẩm định*)

- Đang được áp dụng biện pháp cai nghiện tại cơ sở cai nghiện: cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện tự nguyện theo Quyết định của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập theo Quyết định của Tòa án;

- Đang được áp dụng biện pháp điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế theo Quyết định của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, đã tham gia quy trình điều trị được ít nhất 12 tháng sau khi đã đạt liều điều trị duy trì, chấp hành tốt và tuân thủ các quy định trong điều trị, không sử dụng trái phép chất ma túy;

- Đang được áp dụng biện pháp cách ly khỏi cộng đồng: đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; đưa vào trường giáo dưỡng; phải thi hành án phạt tù theo Quyết định của Tòa án;

- Không còn có mặt trên địa bàn: chết; Tòa án tuyên bố là mất tích; chuyển đến cư trú ở địa phương khác.

c) Người quản lý sau cai nghiện (*số liệu năm - tính đến thời điểm thẩm định*)

- Đang trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy theo Quyết định của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; chấp hành tốt các quy định, không sử dụng trái phép chất ma túy, không tái nghiện ma túy;

- Đã hoàn thành thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy theo Quyết định của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, không sử dụng trái phép chất ma túy, không tái nghiện và được đưa ra khỏi danh sách quản lý.

d) Người có biểu hiện loạn thần, ngáo đá về ma túy (*số liệu năm - tính đến thời điểm thẩm định*)

- Đã được áp dụng biện pháp, quy trình điều trị, không còn biểu hiện loạn thần, ngáo đá về ma túy và được đưa ra khỏi danh sách quản lý;

- Đang được áp dụng biện pháp cách ly khỏi cộng đồng: đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng; phải thi hành án phạt tù theo Quyết định của Tòa án;

- Không còn có mặt trên địa bàn: chết; Tòa án tuyên bố là mất tích; chuyển đến cư trú ở địa phương khác.

đ) Người bị xoá đăng ký thường trú, xoá đăng ký tạm trú theo Luật Cư trú (*vắng mặt liên tục tại nơi thường trú từ 12 tháng trở lên mà không đăng ký tạm trú tại chỗ ở khác, không khai báo tạm vắng; vắng mặt liên tục tại nơi tạm trú từ 06 tháng trở lên mà không đăng ký tạm trú tại chỗ ở khác*) sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy, loạn thần, ngáo đá về ma túy, vi phạm pháp luật về ma túy, phạm tội về ma túy, bị truy nã do phạm tội về ma túy tại địa phương khác.

e) Người có địa chỉ cư trú ở địa phương khác sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy, loạn thần, ngáo đá về ma túy, vi phạm pháp luật về ma túy, phạm tội về ma túy, truy nã do phạm tội về ma túy bị phát hiện, xử lý tại địa phương (*tiêu chí này tính cho địa phương nơi người đó cư trú*).

Điều 5. Tiêu chí đánh giá, phân loại đối với cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, trạm y tế, hợp tác xã...

1. Cơ quan, đơn vị được công nhận không có ma túy khi đồng thời đạt các tiêu chí sau:

- a) Không có người sử dụng trái phép chất ma túy (*tại thời điểm thẩm định*).
- b) Không có người nghiện ma túy (*tại thời điểm thẩm định*).
- c) Không có người có biểu hiện loạn thần, ngáo đá về ma túy (*tại thời điểm thẩm định*).
- d) Không có người vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự (*trong năm thẩm định*).
- đ) Không có người phạm tội về ma túy, người bị truy nã do phạm tội về ma túy lẫn trốn trên địa bàn (*trong năm thẩm định*).
- e) Không có diện tích trồng cây có chứa chất ma túy, số lượng cây có chứa chất ma túy (*trong năm thẩm định*).
- g) Không có người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy, điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy, điểm phức tạp về ma túy, tụ điểm phức tạp về ma túy (*trong năm thẩm định*).

2. Cơ quan, đơn vị được xác nhận là có ma túy khi có một trong các tiêu chí sau:

- a) Có người sử dụng trái phép chất ma túy (*tại thời điểm thẩm định*).
- b) Có người nghiện ma túy (*tại thời điểm thẩm định*).
- c) Có người có biểu hiện loạn thần, ngáo đá về ma túy (*tại thời điểm thẩm định*).
- d) Có người vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự (*trong năm thẩm định*).
- đ) Có người phạm tội về ma túy, người bị truy nã do phạm tội về ma túy lẫn trốn trên địa bàn (*trong năm thẩm định*).
- e) Có diện tích trồng cây có chứa chất ma túy, số lượng cây có chứa chất ma túy (*trong năm thẩm định*).

g) Có người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy, điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy, điểm phức tạp về ma túy, tụ điểm phức tạp về ma túy (*trong năm thẩm định*).

Điều 6. Tiêu chí đánh giá, phân loại đối với bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố

1. Bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố được công nhận không có ma túy khi đồng thời đạt các tiêu chí sau:

- a) Không có người sử dụng trái phép chất ma túy (*tại thời điểm thẩm định*).
- b) Không có người nghiện ma túy (*tại thời điểm thẩm định*).
- c) Không có người có biểu hiện loạn thần, ngáo đá về ma túy (*tại thời điểm thẩm định*).
- d) Không có người vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự (*trong năm thẩm định*).
- đ) Không có người phạm tội về ma túy, người bị truy nã do phạm tội về ma túy lẫn trốn trên địa bàn (*trong năm thẩm định*).
- e) Không có diện tích trồng cây có chứa chất ma túy, số lượng cây có chứa chất ma túy (*trong năm thẩm định*).
- g) Không có người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy, điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy, điểm phức tạp về ma túy, tụ điểm phức tạp về ma túy (*trong năm thẩm định*).

2. Bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố được xác nhận là có ma túy khi có một trong các tiêu chí sau:

- a) Có người sử dụng trái phép chất ma túy (*tại thời điểm thẩm định*).
- b) Có người nghiện ma túy (*tại thời điểm thẩm định*).
- c) Có người có biểu hiện loạn thần, ngáo đá về ma túy (*tại thời điểm thẩm định*).
- d) Có người vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự (*trong năm thẩm định*).
- đ) Có người phạm tội về ma túy hoặc người bị truy nã do phạm tội về ma túy lẫn trốn trên địa bàn (*trong năm thẩm định*).
- e) Có người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy (*trong năm thẩm định*).

3. Bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố được xác nhận là trọng điểm về ma túy khi có một trong các tiêu chí sau:

- a) Có từ 05 người sử dụng trái phép chất ma túy trở lên (*tại thời điểm thẩm định*).
- b) Có từ 04 người nghiện ma túy trở lên (*tại thời điểm thẩm định*).
- c) Có từ 02 người có biểu hiện loạn thần, ngáo đá về ma túy trở lên (*tại thời điểm thẩm định*).

d) Có từ 03 người vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự trở lên (*trong năm thẩm định*).

đ) Có từ 02 người phạm tội về ma túy hoặc người bị truy nã do phạm tội về ma túy lẫn trốn trên địa bàn trở lên (*trong năm thẩm định*).

e) Có diện tích trồng cây có chứa chất ma túy, số lượng cây có chứa chất ma túy (*trong năm thẩm định*).

g) Có từ 03 người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy trở lên hoặc có điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy hoặc có điểm phức tạp về ma túy hoặc có tụ điểm phức tạp về ma túy (*trong năm thẩm định*).

Điều 7. Tiêu chí đánh giá, phân loại đối với xã, phường, thị trấn

1. Xã, phường, thị trấn được công nhận không có ma túy khi đồng thời đạt các tiêu chí sau:

- a) Không có người sử dụng trái phép chất ma túy (*tại thời điểm thẩm định*).
- b) Không có người nghiện ma túy (*tại thời điểm thẩm định*).
- c) Không có người có biểu hiện loạn thần, ngáo đá về ma túy (*tại thời điểm thẩm định*).
- d) Không có người vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự (*trong năm thẩm định*).
- đ) Không có người phạm tội về ma túy; người bị truy nã do phạm tội về ma túy lẫn trốn trên địa bàn (*trong năm thẩm định*).
- e) Không có diện tích trồng cây có chứa chất ma túy, số lượng cây có chứa chất ma túy (*trong năm thẩm định*).
- g) Không có người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy, điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy, điểm phức tạp về ma túy, tụ điểm phức tạp về ma túy (*trong năm thẩm định*).

2. Xã, phường, thị trấn được xác nhận là có ma túy khi có một trong các tiêu chí sau:

- a) Có người sử dụng trái phép chất ma túy (*tại thời điểm thẩm định*).
- b) Có người nghiện ma túy (*tại thời điểm thẩm định*).
- c) Có người có biểu hiện loạn thần, ngáo đá về ma túy (*tại thời điểm thẩm định*).
- đ) Có người vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự (*trong năm thẩm định*).
- d) Có người phạm tội về ma túy; người bị truy nã do phạm tội về ma túy lẫn trốn trên địa bàn (*trong năm thẩm định*).
- đ) Có người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy hoặc có điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy (*trong năm thẩm định*).

3. Xã, phường, thị trấn được xác nhận là trọng điểm loại III về ma túy khi

có một trong những tiêu chí sau:

- a) Có từ 20 người đến dưới 60 người nghiện ma túy *(tại thời điểm thẩm định)*.
- b) Tỷ lệ người phạm tội về ma túy so với dân số tại xã, phường, thị trấn từ 0,1% đến dưới 0,3% *(trong năm thẩm định)*.
- c) Có diện tích trồng cây có chứa chất ma túy dưới 1.000m² hoặc số lượng dưới 500 cây *(trong năm thẩm định)*.
- d) Có từ 1 đến 2 điểm hoặc tụ điểm phức tạp về ma túy *(trong năm thẩm định)*.

4. Xã, phường, thị trấn được xác nhận là trọng điểm loại II về ma túy khi có một trong những tiêu chí sau:

- a) Có từ 60 người nghiện đến dưới 100 người nghiện ma túy *(tại thời điểm thẩm định)*.
- b) Tỷ lệ người phạm tội về ma túy so với dân số hiện tại của xã, phường, thị trấn từ 0,3% đến dưới 0,5% *(trong năm thẩm định)*.
- c) Có diện tích trồng cây có chứa chất ma túy từ 1.000m² đến dưới 2.000m² hoặc số lượng từ 500 đến dưới 3.000 cây *(trong năm thẩm định)*.
- d) Có từ 3 đến 4 điểm hoặc tụ điểm phức tạp về ma túy *(trong năm thẩm định)*.

đ) Có ít nhất 01 trong các tiêu chí xã, phường, thị trấn trọng điểm loại III và nằm trên tuyến trọng điểm về buôn bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy, có nhiều đường giao thông huyết mạch *(trong năm thẩm định)*.

5. Xã, phường, thị trấn được xác nhận là trọng điểm loại I về ma túy khi có một trong những tiêu chí sau:

- a) Có từ 100 người nghiện ma túy trở lên *(tại thời điểm thẩm định)*.
- b) Tỷ lệ người phạm tội về ma túy so với dân số hiện tại của xã, phường, thị trấn từ 0,5% trở lên *(trong năm thẩm định)*.
- c) Có diện tích trồng cây có chứa chất ma túy từ 2.000 m² trở lên hoặc số lượng từ 3.000 cây trở lên *(trong năm thẩm định)*.
- d) Có từ 5 điểm hoặc tụ điểm tệ nạn ma túy trở lên *(trong năm thẩm định)*.
- đ) Có ít nhất 1 trong các tiêu chí xã, phường, thị trấn trọng điểm loại II và nằm trên tuyến trọng điểm về buôn bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy, có nhiều đường giao thông huyết mạch *(trong năm thẩm định)*.

Điều 8. Cách xác định địa bàn 03 năm liên tiếp giữ vững địa bàn không có ma túy *(đối với các xã; phường, thị trấn; bản, tiểu khu, tổ dân phố được sáp nhập theo Nghị quyết của Quốc hội hoặc Hội đồng nhân dân tỉnh)*

1. Bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố sau sáp nhập được công nhận đạt tiêu chuẩn “không có ma túy” đối với thời gian trước sáp nhập nếu trước khi sáp nhập có ít nhất một bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố được công nhận đạt tiêu chuẩn “không có ma túy”.

2. Xã, phường, thị trấn sau sáp nhập được công nhận đạt tiêu chuẩn “*không có ma túy*” đối với thời gian trước sáp nhập nếu trước khi sáp nhập có ít nhất một xã, phường, thị trấn được công nhận đạt tiêu chuẩn “*không có ma túy*”.

Phần III **NHIỆM VỤ CỦA CÁC ĐƠN VỊ VÀ** **QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI, THẨM ĐỊNH**

Điều 9. Nhiệm vụ của các đơn vị cấp tỉnh có liên quan

1. Công an tỉnh

a) Tham mưu Quyết định thành lập các Đoàn công tác cấp tỉnh thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy.

b) Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương chuẩn bị tài liệu, biểu mẫu tổng hợp phục vụ công tác thẩm định, phân loại.

c) Chủ trì, phối hợp với các Đoàn công tác cấp tỉnh giúp Ủy ban nhân dân tỉnh đôn đốc, hướng dẫn việc rà soát, thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy.

d) Tổng hợp kết quả thẩm định của các Đoàn công tác cấp tỉnh; khó khăn vướng mắc, kiến nghị và đánh giá, nhận xét quy trình thẩm định của các huyện, thành phố, cơ quan, đơn vị báo cáo, đề xuất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Tham mưu với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định công nhận đơn vị, địa bàn không có ma túy; đơn vị, địa bàn có ma túy phù hợp với các đối tượng, mức độ theo quy định tại Điều 2 quy định này.

2. Các Đoàn công tác cấp tỉnh

a) Phối hợp với Công an tỉnh giúp Ủy ban nhân dân tỉnh đôn đốc, hướng dẫn việc rà soát, thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy, đối với:

- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
- Đảng ủy khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh;
- Trường Đại học Tây Bắc.

b) Trực tiếp thẩm định kết quả, quy trình thẩm định, phân loại của các đơn vị theo phân công và một số đơn vị trực thuộc những đơn vị này. Trưởng Đoàn công tác lập biên bản thẩm định (*mẫu B1*) đối với từng đơn vị và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thẩm định của mình.

c) Sau khi hoàn thành thẩm định tại các đơn vị được phân công, Trưởng Đoàn công tác tổng hợp kết quả, hồ sơ thẩm định báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Phòng Tham mưu Công an tỉnh*), hồ sơ gồm:

- Báo cáo kết quả thẩm định của Đoàn (*tổng hợp, đánh giá kết quả, quy trình thẩm định của các đơn vị, địa bàn được phân công; kiến nghị, đề xuất...*);
- Báo cáo kết quả công tác phòng, chống ma túy, chuyển hóa, xây dựng địa bàn không có ma túy trong năm thẩm định của đơn vị, địa bàn được phân công;
- Tờ trình, danh sách đề nghị công nhận đơn vị, địa bàn không có ma túy, xác nhận đơn vị, địa bàn có ma túy của đơn vị, địa bàn được phân công.

Điều 10. Nhiệm vụ của các huyện, thành phố (gọi chung là cấp huyện)

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Ban hành Kế hoạch thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy thuộc cấp quản lý.

b) Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy (*sau đây gọi tắt là Hội đồng thẩm định*) cấp huyện do đồng chí Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phụ trách văn hóa, xã hội làm Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng gồm: lãnh đạo các đơn vị: Công an, Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hoá, Thông tin và Truyền thông, Nội vụ và một số thành phần khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định. Mời: Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên cấp huyện tham gia.

c) Ban hành Quyết định thành lập các Đoàn công tác cấp huyện, số lượng đoàn công tác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

d) Chỉ đạo tổ chức rà soát thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy thuộc quyền quản lý.

đ) Báo cáo kết quả công tác rà soát, thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Công an tỉnh để tổng hợp*). Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả rà soát, thẩm định, phân loại của cấp huyện.

e) Tờ trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận các đơn vị, địa bàn không có ma túy và xác nhận các đơn vị, địa bàn có ma túy phù hợp với các đối tượng, mức độ theo quy định tại Điều 2 quy định này.

2. Công an cấp huyện

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan cung cấp các biểu mẫu, tài liệu rà soát, đánh giá, phân loại cho các Đoàn công tác và Hội đồng thẩm định cấp huyện (*danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy có hồ sơ quản lý; danh sách người thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy; danh sách người phạm tội về ma túy; danh sách địa bàn có diện tích trồng cây có chứa chất ma túy; số liệu người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy chưa xác minh, kết luận, điểm có nguy cơ phức tạp, điểm, tụ điểm phức tạp về ma túy...*); đồng thời gửi Công an tỉnh phục vụ theo dõi, kiểm tra cấp tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các Đoàn công tác cấp huyện giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đôn đốc, hướng dẫn việc triển khai, thực hiện công tác rà soát, thẩm định, phân loại các đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy.

c) Chủ trì tham mưu giúp Hội đồng thẩm định cấp huyện tổng hợp kết quả thẩm định của các Đoàn công tác cấp huyện.

3. Đoàn công tác cấp huyện

a) Phối hợp với Công an cấp huyện tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện đôn đốc, hướng dẫn việc rà soát, thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy, đối với:

- Các xã, phường, thị trấn;
- Đơn vị trực thuộc cấp huyện;
- Các đơn vị thuộc bộ, ngành Trung ương đóng trên địa bàn;
- Các đơn vị trực thuộc tỉnh đóng trên địa bàn cấp huyện;
- Các doanh nghiệp đóng trên địa bàn không thuộc Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh quản lý.

b) Trực tiếp thẩm định kết quả và quy trình đánh giá, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy của các đơn vị, địa bàn được phân công và một số đơn vị, địa bàn trực thuộc các đơn vị này: Căn cứ Biên bản tự đánh giá, phân loại (mẫu A); các danh sách, tài liệu và thực tế công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, chuyển hóa, xây dựng đơn vị, địa bàn không có ma túy, Trưởng Đoàn công tác cấp huyện lập Biên bản thẩm định (mẫu B1) và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả thẩm định của Đoàn mình.

c) Sau khi hoàn thành thẩm định tại các đơn vị được phân công, Trưởng Đoàn công tác tổng hợp kết quả, gửi hồ sơ, tài liệu thẩm định về Hội đồng thẩm định cấp huyện (qua Công an huyện), hồ sơ gồm:

- Báo cáo kết quả thẩm định (tổng hợp, đánh giá kết quả, quy trình thẩm định của các đơn vị, địa bàn được phân công; kiến nghị, đề xuất...);
- Biên bản tự đánh giá, phân loại của từng đơn vị, địa bàn cấp xã (mẫu A);
- Biên bản thẩm định của Đoàn công tác cấp huyện (mẫu B1).

4. Hội đồng đánh giá, thẩm định cấp huyện

a) Tham mưu với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống ma túy, chuyển hóa, xây dựng địa bàn không có ma túy trong năm thẩm định gửi Công an tỉnh (theo đề cương báo cáo).

b) Tổ chức họp thành viên Hội đồng thẩm định: Trên cơ sở kết quả công tác phòng, chống ma túy, chuyển hóa, xây dựng địa bàn không có ma túy; Biên bản tự đánh giá, phân loại của từng đơn vị, địa bàn cấp xã (mẫu A) và kết quả thẩm định thực tế của các Đoàn công tác cấp huyện (mẫu B1), Hội đồng thẩm định cấp huyện lập Biên bản thẩm định (mẫu B2) xác định từng đơn vị, địa bàn cấp xã đó được phân loại ở mức độ nào.

c) Tham mưu với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành

- Báo cáo kết quả công tác rà soát, thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Công an tỉnh);

- Tờ trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận các đơn vị, địa bàn không có ma túy và xác nhận các đơn vị, địa bàn có ma túy phù hợp với các đối tượng theo quy định tại Điều 2 quy định này (*qua Phòng Tham mưu Công an tỉnh và Đoàn công tác cấp tỉnh phụ trách*);

- Tài liệu gửi theo Tờ trình gồm:

+ Báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống ma túy, chuyên hóa, xây dựng địa bàn không có ma túy trong năm thẩm định;

+ Danh sách đề nghị công nhận cơ quan, đơn vị; bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố; xã, phường, thị trấn không có ma túy, có ma túy, trọng điểm về ma túy (*theo Phụ lục 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08*).

Điều 11. Nhiệm vụ của xã, phường, thị trấn (*gọi chung là cấp xã*)

1. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Ban hành Kế hoạch thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy thuộc quyền quản lý.

b) Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định cấp xã do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã làm Chủ tịch Hội đồng; Thành viên gồm: Lãnh đạo các đơn vị: Công an, Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hoá, Thông tin và truyền thông, Nội vụ và một số thành phần khác. Mời: Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp xã tham gia.

c) Ban hành Quyết định thành lập các Tổ công tác cấp xã đánh giá, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy (*sau đây gọi tắt là Tổ công tác cấp xã*), mỗi Tổ do 01 thành viên Hội đồng thẩm định cấp xã làm Tổ trưởng và từ 2 đến 3 cán bộ cấp xã làm thành viên. Số lượng Tổ công tác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

d) Chỉ đạo tổ chức rà soát thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy thuộc cấp quản lý.

đ) Báo cáo kết quả công tác rà soát, thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (*qua Công an cấp huyện để tổng hợp*). Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả rà soát, thẩm định, phân loại của cấp xã.

e) Tờ trình đề nghị công nhận các đơn vị, địa bàn không có ma túy và xác nhận các đơn vị, địa bàn có ma túy phù hợp với các đối tượng theo quy định tại Điều 2 quy định này.

2. Công an cấp xã

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan cung cấp tài liệu phục vụ rà soát, đánh giá, phân loại cho các Tổ công tác và Hội đồng thẩm định cấp xã (*danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy có hồ sơ quản lý; danh sách người thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy; danh*

sách người phạm tội về ma túy; danh sách địa bàn có diện tích trồng cây có chứa chất ma túy; số liệu người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy chưa xác minh, kết luận, điểm có nguy cơ phức tạp, điểm, tụ điểm phức tạp về ma túy...); đồng thời gửi Công an cấp huyện phục vụ theo dõi, kiểm tra cấp huyện.

b) Chủ trì, phối hợp với các Tổ công tác cấp xã giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, đôn đốc việc triển khai, thực hiện công tác rà soát, đánh giá, phân loại các đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy thuộc chức năng, nhiệm vụ của xã.

c) Chủ trì tham mưu giúp Hội đồng thẩm định cấp xã tổng hợp kết quả thẩm định của các Tổ công tác cấp xã.

3. Tổ công tác cấp xã

a) Phối hợp với Công an cấp xã tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp xã đôn đốc, hướng dẫn việc rà soát, thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy đối với:

- Bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố;
- Trạm Y tế;
- Các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn xã;
- Các hợp tác xã có trụ sở trên địa bàn xã.

b) Chủ trì hướng dẫn các đơn vị, địa bàn được phân công tổ chức họp và lập Biên bản tự đánh giá, phân loại theo mẫu A (đối với cơ sở giáo dục, trạm y tế, hợp tác xã), Biên bản họp dân theo mẫu B3 (đối với bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố). Tổ công tác tham gia trực tiếp vào các cuộc họp tự đánh giá của các đơn vị, địa bàn được phân công.

c) Sau khi hoàn thành công tác đánh giá, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy tại các đơn vị, địa bàn được phân công, Tổ trưởng Tổ công tác tổng hợp kết quả, gửi hồ sơ, tài liệu về Hội đồng thẩm định cấp xã (qua Công an xã), hồ sơ gồm:

- Báo cáo tổng hợp, đánh giá kết quả, quy trình thẩm định của các đơn vị, địa bàn được phân công; kiến nghị, đề xuất...;
- Biên bản tự đánh giá, phân loại theo mẫu A (đối với cơ sở giáo dục, trạm y tế, hợp tác xã);
- Biên bản họp dân theo mẫu B3 (đối với bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố).

4. Hội đồng thẩm định cấp xã

a) Tham mưu với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống ma túy, chuyển hóa, xây dựng địa bàn không ma túy của xã trong năm gửi Công an cấp huyện (theo đề cương báo cáo).

b) Tổ chức họp Hội đồng thẩm định: Trên cơ sở kết quả công tác phòng, chống ma túy, chuyển hóa, xây dựng địa bàn không có ma túy; Biên bản tự đánh

giá, phân loại của từng cơ sở giáo dục, trạm y tế, hợp tác xã (*mẫu A*), Biên bản họp dân của từng bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố (*mẫu B3*) và kết quả theo dõi, kiểm tra của các Tổ công tác cấp xã; Hội đồng thẩm định cấp xã lập biên bản thẩm định của cấp xã (*mẫu B2*) xác định đơn vị, địa bàn đó đạt tiêu chuẩn liên quan đến ma túy ở mức độ nào.

c) Căn cứ kết quả phân loại của các đơn vị, địa bàn và kết quả công tác phòng, chống ma túy của xã, Hội đồng thẩm định cấp xã lập biên bản tự đánh giá, phân loại cho xã (*mẫu A*).

d) Tham mưu với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành

- Báo cáo kết quả công tác rà soát, thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (*qua Công an cấp huyện*);

- Tờ trình đề nghị công nhận các đơn vị, địa bàn không có ma túy và xác nhận các đơn vị, địa bàn có ma túy phù hợp với các đối tượng theo quy định tại Điều 2 quy định này, gửi Hội đồng thẩm định cấp huyện (*qua Công an cấp và Đoàn công tác cấp huyện phụ trách*);

- Tài liệu gửi theo Tờ trình gồm:

+ Báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống ma túy, chuyên hóa, xây dựng địa bàn không ma túy của xã, phường, thị trấn trong năm;

+ Danh sách đề nghị công nhận cơ quan, đơn vị; bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố; xã, phường, thị trấn không có ma túy, có ma túy, trọng điểm về ma túy (*theo Phụ lục 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08*).

Điều 12. Nhiệm vụ của bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố

1. Trưởng bản (*trưởng thôn, trưởng xóm, tiểu khu trưởng, tổ trưởng tổ dân phố*) chủ trì tổ chức họp dân đánh giá, phân loại mức độ liên quan đến ma túy của địa bàn. Thành phần: Trưởng Ban công tác Mặt trận Tổ quốc; Trưởng các chi hội, tổ chức chính trị xã hội; đại diện các hộ gia đình. Mời Bí thư chi bộ (*đối với địa bàn chưa hợp nhất chức danh Bí thư chi bộ và Trưởng bản*) và Tổ công tác cấp xã phụ trách tham gia.

2. Nội dung cuộc họp

a) Quán triệt các nội dung, quy trình đánh giá, phân loại địa bàn liên quan đến ma túy.

b) Đánh giá kết quả thực hiện công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trong năm của địa bàn.

c) Rà soát, lập danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy có hồ sơ quản lý; danh người thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy; danh sách người phạm tội về ma túy; danh sách địa bàn có diện tích trồng cây có chứa chất ma túy.

d) Tổng hợp ý kiến của Nhân dân đối với từng tiêu chí đánh giá vào biên bản họp dân (*mẫu B3*).

3. Gửi hồ sơ, biên bản tới Hội đồng thẩm định cấp xã (*qua Tổ công tác cấp xã phụ trách*).

Điều 13. Nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh (*gồm: cơ quan, đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị thuộc các Bộ, ngành Trung ương đóng trên địa bàn Thành phố Sơn La*)

1. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định do 01 lãnh đạo đơn vị làm Chủ tịch Hội đồng, thành viên Hội đồng gồm: đại diện Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác của đơn vị. Mời lãnh đạo Đảng ủy, chi bộ đảng của đơn vị tham gia Hội đồng.

2. Hội đồng thẩm định có trách nhiệm

a) Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc: Xây dựng báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống ma túy trong năm; tổ chức họp lãnh đạo, cán bộ chủ chốt và lập biên bản tự đánh giá, phân loại (*mẫu A*).

b) Tham mưu với Thủ trưởng đơn vị xây dựng báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống ma túy trong năm của đơn vị.

c) Trên cơ sở kết quả công tác phòng, chống ma túy và biên bản tự đánh giá, phân loại của từng đơn vị trực thuộc, lập biên bản thẩm định, phân loại từng đơn vị trực thuộc đó đạt mức độ nào theo mẫu B2 (*có thể lập chung 01 biên bản mẫu B2 đối với các đơn vị trực thuộc không có ma túy, kèm theo danh sách các đơn vị trực thuộc đó*).

d) Căn cứ kết quả đánh giá, phân loại các đơn vị trực thuộc và công tác phòng, chống ma túy của đơn vị, tổ chức họp Hội đồng thẩm định tự đánh giá, phân loại mức độ liên quan đến ma túy của đơn vị, lập biên bản tự đánh giá, phân loại cho đơn vị mình (*mẫu A*).

đ) Tổng hợp báo cáo kết quả tự đánh giá, phân loại mức độ liên quan đến ma túy của đơn vị và kết quả phân loại đối với các đơn vị trực thuộc báo cáo cấp ủy và Thủ trưởng đơn vị.

e) Tham mưu với Thủ trưởng đơn vị báo cáo và Tờ trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận đơn vị không có ma túy hoặc xác nhận đơn vị có ma túy cho đơn vị và các đơn vị trực thuộc; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả rà soát, thẩm định, phân loại của đơn vị, các đơn vị trực thuộc. Tài liệu gửi theo Tờ trình gồm:

- Hồ sơ (*báo cáo, tờ trình, danh sách đề nghị theo phụ lục 03, phụ lục 06; biên bản thẩm định mẫu B2 đối với các đơn vị trực thuộc và biên bản tự đánh giá, phân loại mẫu A của đơn vị*) gửi Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh tổng hợp;

- Hồ sơ (*báo cáo, tờ trình, danh sách đề nghị theo phụ lục 03, phụ lục 06; biên bản thẩm định mẫu B2 đối với các đơn vị trực thuộc và biên bản tự đánh giá, phân loại mẫu A của đơn vị*) của cơ quan Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh; Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Bộ Chỉ huy Bộ đội

Biên phòng tỉnh và Trường Đại học Tây Bắc gửi về Đoàn công tác cấp tỉnh được phân công đánh giá, thẩm định và Công an tỉnh để theo dõi, lưu hồ sơ.

Điều 14. Nhiệm vụ của các doanh nghiệp, trạm y tế, hợp tác xã, cơ sở giáo dục và các cơ quan, đơn vị khác

1. Thủ trưởng đơn vị chủ trì tổ chức họp đơn vị. Thành phần: lãnh đạo đơn vị, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ; đại diện cán bộ, công nhân, viên chức.

2. Nội dung cuộc họp

a) Quán triệt các tiêu chí, quy trình đánh giá, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy.

b) Đánh giá kết quả công tác phòng, chống ma túy trong năm của đơn vị.

c) Lấy ý kiến của các thành phần tham gia cuộc họp đối với từng tiêu chí đánh giá; lập biên bản tự đánh giá, phân loại (mẫu A).

3. Gửi hồ sơ, biên bản (*báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống ma túy trong năm và biên bản tự đánh giá, phân loại theo mẫu A của đơn vị*)

- Đơn vị trực thuộc Đảng uỷ Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh nộp hồ sơ về Đảng uỷ Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh.

- Các đơn vị thuộc thẩm quyền thẩm định, phân loại của Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và Trường Đại học Tây Bắc nộp hồ sơ về Hội đồng thẩm định của cơ quan cấp trên trực tiếp.

- Các đơn vị thuộc thẩm quyền thẩm định, phân loại của Ủy ban nhân dân cấp huyện nộp hồ sơ về Hội đồng thẩm định cấp huyện nơi đặt trụ sở.

- Các đơn vị thuộc thẩm quyền thẩm định, phân loại của Ủy ban nhân dân cấp xã nộp hồ sơ về Hội đồng thẩm định cấp xã nơi đặt trụ sở.

Điều 15. Chủ tịch Hội đồng đánh giá, thẩm định là lãnh đạo của đơn vị nào thì dùng dấu của đơn vị đó

Trường hợp đơn vị thẩm định cấp trên xem xét và đưa ra kết luận khác với đề nghị của đơn vị được thẩm định, đánh giá thì phải có trách nhiệm thông báo cho đơn vị được thẩm định, đánh giá biết trước khi tổng hợp báo cáo theo quy định.

Điều 16. Lưu trữ hồ sơ thẩm định

1. Công an xã, phường, thị trấn

- Các văn bản chỉ đạo, triển khai.

- Báo cáo công tác phòng, chống ma túy trong năm của cấp xã.

- Tờ trình, danh sách, biên bản tự đánh giá, phân loại của các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền thẩm định (mẫu A); tờ trình, danh sách, biên bản họp dân của các bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố và tương đương (mẫu B3).

- Biên bản thẩm định của Hội đồng thẩm định cấp xã (mẫu B2).

- Tờ trình, danh sách đề nghị của cấp xã.
- Biên bản thẩm định của các Đoàn công tác cấp huyện (*mẫu B1*), Hội đồng thẩm định cấp huyện (*mẫu B2*) đối với địa bàn xã.
- Các tài liệu khác có liên quan: Tài liệu kiểm chứng số liệu, danh sách thống kê các đối tượng...

2. Công an huyện, thành phố

- Các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện của cấp huyện.
- Báo cáo kết quả công tác phòng, chống ma túy trong năm của huyện và các đơn vị, địa bàn cấp xã thuộc thẩm quyền thẩm định của cấp huyện.
- Biên bản tự đánh giá, phân loại của cấp xã theo mẫu A; tờ trình, danh sách đề nghị của cấp xã;
- Biên bản đánh giá, thẩm định của cấp huyện (*mẫu B1, B2*).
- Biên bản thẩm định của Đoàn công tác cấp tỉnh (*mẫu B1*).
- Các tài liệu khác có liên quan: Tài liệu kiểm chứng số liệu, danh sách thống kê các đối tượng...

3. Công an tỉnh

- Hồ sơ thẩm định của các Đoàn công tác cấp tỉnh (*Các kế hoạch, văn bản triển khai; biên bản thẩm định mẫu B1; báo cáo kết quả thẩm định tại các đơn vị được phân công*).
- Báo cáo công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy; tờ trình, danh sách đề nghị của các huyện, thành phố, Đảng ủy khối các cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh; Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Trường Đại học Tây Bắc.

4. Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh

- Báo cáo công tác đấu tranh phòng, chống ma túy, biên bản tự đánh giá (*mẫu A*), tờ trình, danh sách đề nghị của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc.
- Biên bản thẩm định (*mẫu B2*) đối với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc.

5. Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh lưu hồ sơ của các đơn vị trực thuộc (*Báo cáo công tác phòng, chống tội phạm; biên bản tự đánh giá, phân loại mẫu A; biên bản thẩm định mẫu B2 đối với các đơn vị trực thuộc*).

Điều 17. Việc đánh giá, phân loại, thẩm định, công nhận cơ quan, đơn vị; bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố; xã, phường, thị trấn liên quan đến ma túy mỗi năm tổ chức thực hiện 01 lần vào cuối năm

1. Cơ quan, đơn vị thực hiện xong trước ngày 15/10 hằng năm (*số liệu từ 15/10 năm trước đến 14/10 năm thẩm định*).
2. Bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố thực hiện xong trước ngày 15/10 hằng năm (*số liệu từ 15/10 năm trước đến 14/10 năm thẩm định*).

3. Cấp xã thực hiện xong trước ngày 20/10 hằng năm (*số liệu từ 15/10 năm trước đến 14/10 năm thẩm định*).

4. Cấp huyện thực hiện xong trước ngày 30/10 hằng năm (*số liệu từ 15/10 năm trước đến 14/10 năm thẩm định*).

5. Cấp tỉnh thực hiện xong trước ngày 15/11 hằng năm (*số liệu từ 15/10 năm trước đến 14/10 năm thẩm định*).

6. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định công nhận đơn vị không có ma túy, xác nhận đơn vị có ma túy, trọng điểm về ma túy xong trước ngày 30/11 hằng năm.

(Các mẫu: A, B1, B2, B3, Phụ lục 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08 được ban hành kèm theo quy định này)

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với các ngành có liên quan xây dựng dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cấp kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị được quyết định công nhận đạt tiêu chuẩn không có ma túy hàng năm theo Nghị quyết số 48/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La đến 2025.

Điều 19. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp các ngành liên quan chỉ đạo, thực hiện việc rà soát, thẩm định, phân loại và tổng hợp những vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện báo cáo, đề xuất giải pháp để Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.